

Số: 08 /2026/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 26 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Chương trình mục



tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 7353/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan khác ở tỉnh (sau đây gọi tắt là cơ quan cấp tỉnh); các xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; không dàn trải, manh mún; hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; ưu tiên phân bổ cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt góp phần hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

2. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ.

3. Phân bổ ngân sách trung ương cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện Chương trình hằng năm phải căn cứ trên cơ sở nguồn ngân sách trung ương được giao và kết quả đánh giá tình hình thực hiện sử dụng, giải ngân nguồn vốn được cấp giai đoạn 2021 - 2025 (nếu có) hoặc các năm trước liền kề.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã

Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương theo đối tượng thôn, xã theo khoản này được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN) và số xã (bao gồm: xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới và các xã còn lại) trên địa bàn toàn tỉnh, cụ thể như sau:

a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 1;

b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới (bao gồm biên giới đất liền và biên giới biển): Hệ số 50;

c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40;

d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30;

đ) Xã còn lại: Hệ số 25;

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản này thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

e) Xã có tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối từ 70% trở lên: Hệ số 6;

g) Xã có tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối từ 50% đến dưới 70%: Hệ số 3;

h) Xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới: Năm 2026: Hệ số 15; Năm 2027: Hệ số 13; Năm 2028: Hệ số 10; Năm 2029 và 2030: Hệ số 8.

2. Tiêu chí phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh

a) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khả năng thực hiện của các cơ quan cấp tỉnh; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các cơ quan cấp tỉnh;

c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của các cơ quan cấp tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025 (nếu có) hoặc các năm trước liền kề.



3. Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách trung ương được giao, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất phương án phân bổ cụ thể trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 5. Định mức phân bổ vốn

1. Đối với vốn đầu tư công

a) Phân bổ tối đa 20% kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho các cơ quan cấp tỉnh chủ trì thực hiện các nội dung, nhiệm vụ có tính chất liên vùng, liên xã, nhiệm vụ đặc thù và các nhiệm vụ khác theo quy định của Chương trình, đảm bảo không trùng lặp nội dung chi, đối tượng thực hiện với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và các nhiệm vụ chi khác;

b) Phân bổ tối thiểu 80% kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách trung ương còn lại hỗ trợ thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm cho các xã để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình, trong đó: Phân bổ tối đa 10% trong tổng vốn quy định tại điểm này để thực hiện nhiệm vụ, dự án trọng tâm, trọng điểm, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững trên địa bàn tỉnh; Phần vốn còn lại sau khi phân bổ được phân bổ cho các xã theo định mức sau:

$$\text{Vốn đầu tư công phân bổ cho xã} = \frac{\text{Tổng hệ số của xã} \times \text{Phần vốn còn lại sau khi đã phân bổ theo nội dung nêu trên tại điểm này}}{\text{Tổng hệ số của tỉnh}}$$

Trong đó: Tổng hệ số của xã = (Số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có) $\times$ hệ số 1) + hệ số khu vực của xã + hệ số tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối + hệ số xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới (nếu có).

2. Đối với kinh phí thường xuyên

a) Phân bổ tối đa 25% kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh hằng năm để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình do các cơ quan cấp tỉnh chủ trì thực hiện;

b) Phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương còn lại sau khi đã phân bổ tại điểm a khoản này cho các xã theo công thức:

$$\text{Kinh phí thường xuyên phân bổ cho xã} = \frac{\text{Tổng hệ số của xã} \times \text{Phần vốn ngân sách sau khi đã phân bổ tại điểm a khoản này}}{\text{Tổng hệ số của tỉnh}}$$

Trong đó: Tổng hệ số của xã = (Số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có) $\times$ hệ số 1) + hệ số khu vực của xã + hệ số tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối + hệ số xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới (nếu có).

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XIX, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo, Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL) (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT 



CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

